

Số: /KHTC-MNNH

Chấn Hưng, ngày tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn liên Sở số 86/HDLS-GDĐT-STC ngày 25/01/2024 Hướng dẫn Liên Sở thực hiện thu, cơ chế quản lý thu theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Công văn số 6162/SGDDĐT-KHTC của Sở GD&ĐT thành phố Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Công văn số 266/UBND-VHXX ngày 07/9/2025 của UBND xã Chấn Hưng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Căn cứ Nghị quyết cuộc họp phụ huynh toàn trường, cuộc họp Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp ngày 11 tháng 9 năm 2025;

Trường mầm non Nam Hưng xây dựng kế hoạch thu chi tài chính năm học 2025 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Đặc điểm

- Nhà trường có 1 điểm trường.
- Số phòng học: 10 phòng.
- Số phòng chức năng, quản trị: 09 phòng
- Số bếp ăn: 01 bếp

2. Tổ chức bộ máy

a. Số CBGVNV

- Số CBGVNV: 31 đ/c (CBQL: 3 đ/c; GV: 20 giáo viên; NV: 08 đ/c.)

Chế độ chính sách: + Viên chức: 21 người

+ Giáo viên hợp đồng hưởng lương NS: 03

+ HĐ hưởng trợ cấp thành phố: 06 người

+ Hợp đồng trường: 01 người (1 NV bảo vệ)

b. Số lớp, số học sinh

- Tổng số lớp: 10 lớp; Tổng số học sinh theo kế hoạch tuyển sinh : 258 cháu.

Trong đó: + Học sinh mẫu giáo: 213 cháu

+ Học sinh nhà trẻ: 45 cháu

II. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
I. Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí : MG: 85.000đ/T x 9T NT: 92.000đ/T x 9T	Thực hiện miễn theo Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội. Kinh phí thực hiện do NSNN cấp.	
II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Các khoản thu đã được nhà trường thỏa thuận với cha mẹ học sinh về chủ trương, công khai mức thu, nội dung chi, đồng thời tuyên truyền tường minh đến từng phụ huynh học sinh)			
1	Phục vụ ăn bán trú (Tiền ăn + chất đốt)	- Tiền ăn: 22.000đ/trẻ/ngày - Chất đốt: Từ 1.000 - 2.000 đồng/trẻ/ngày	- Thu theo số ngày ăn phát sinh thực tế của trẻ - Thu đủ bù chi theo số lượng tiêu thụ thực tế
2	Phục vụ bán trú cho cá nhân học sinh		
2.1	Đối với học sinh mới tuyển hoặc lần đầu	360.000đ/trẻ/năm	Thu theo kỳ học
2.2	Đối với học sinh các năm học tiếp theo	200.000đ/trẻ/năm	Thu theo kỳ học
3	Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú	Từ 85.000đ/trẻ/tháng – 100.000đ/trẻ/tháng <i>(Miễn thu trẻ thuộc hộ chính sách, hộ nghèo, cận nghèo)</i>	Thu theo tháng, cân đối thu đủ bù chi

TT	Các khoản thu	Mức thu	Thời gian thu
4	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính (buổi trưa)	6.000đ/trẻ/giờ (2giờ/ngày)	Thu theo số giờ/ngày/tháng thực tế của trẻ
5	Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7 (áp dụng đối với trẻ có nhu cầu đăng ký đi học)	40.000đ/trẻ/ngày (chưa tính tiền ăn, chất đốt)	Thu theo số ngày/tháng thực học của trẻ
6	Làm quen tiếng Anh cho trẻ MG 3,4,5 tuổi (áp dụng đối với trẻ có nhu cầu đăng ký đi học)	20.000đ/tiết (Giáo viên VN dạy 8 tiết/tháng)	Thu theo số tiết/tháng thực học của trẻ

III. Các khoản thu hộ, thỏa thuận với phụ huynh (Phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký, không ép buộc)

1	Tiền bảo hiểm thân thể học sinh (Bảo việt)		Thực hiện tham gia 1 lần vào đầu năm học (Phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký mua với công ty Bảo Việt)
2	Đồng phục học sinh	160.000đ/bộ	Nhà trường chỉ thực hiện khi đa số phụ huynh có nhu cầu tự nguyện đăng ký, không ép buộc)
3	Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp	Vận động ủng hộ trên tinh thần tự nguyện (Kinh phí do Ban đại diện cha mẹ trẻ em quản lý sử dụng phục vụ hoạt động của các lớp, nhà trường chỉ thực hiện vai trò phối hợp giám sát)	

III. KẾ HOẠCH CHI

1. Học phí:

- Chi chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ cơ sở vật chất cụ thể như sau:

- + Chi tăng cường cơ sở vật chất cho đơn vị như: mua sắm tài liệu, thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, tu sửa CSVC nhỏ sân, bồn hoa, đường thoát nước.
- + Chi trả tiền điện thấp sáng;
- + Chi trả tiền nước sinh hoạt;
- + Chi trả tiền điện thoại, cước phí intrnet;

- + Chi băng zon khẩu hiệu, áp phích, phong các đợt ngày lễ, ngày hội;
- + Chi mua tài liệu chuyên môn;
- + Chi phô tô tài liệu, phô tô phiếu ăn cho trẻ;
- + Chi mua văn phòng phẩm cho giáo viên;
- + Chi sửa chữa thiết bị máy tính;
- + Chi sửa chữa hệ thống đường nước;
- + Chi sửa chữa hệ thống đường điện, quạt...;
- + Chi sửa chữa thiết bị nhà vệ sinh trẻ;
- + Chi hỗ trợ mua đồ dùng phục vụ công tác ăn bán trú cho trẻ ;
- + Chi ốp nhựa cải tạo một số phòng học các lớp;
- + Chi làm và cải tạo sân vườn cho trẻ, sân chơi cho trẻ,.
- + Chi mua đồ dùng phục vụ dạy học, đồ chơi cho trẻ ngoài trời, thảm cỏ nhân tạo, bồn nhựa khu vui chơi cho trẻ,;
- + Chi sơn lại tường bao, lớp học, khu hiệu bộ bếp ăn...;
- + Chi làm khu vườn thể chất cho trẻ hoạt động ;
- + Chi sửa chữa đồ chơi cho trẻ ngoài trời;
- + Chi mua đồ dùng vệ sinh cho trẻ;
- + Chi mua bảo hộ cho CBGV,NV;
- + Chi mua sơn trang trí tranh tường, sơn hình sân trường...;
- + Chi vẽ tranh tường....;
- + Chi mua ti vi;
- + Chi mua âm thanh loa máy ngoài trời phục vụ các ngày hội ngày lễ;
- + Chi mua điều hòa;
- + Chi khen thưởng và phúc lợi đơn vị.

2. Chi các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục:

2.1. Phục vụ ăn bán trú (Tiền ăn + chất đốt): từ 23.000đ - 24.000 đ/trẻ/ngày

Trong đó:

Tiền ăn 22.000 đ/trẻ/ngày: Mua thực phẩm nấu ăn, sữa bột cho trẻ hàng ngày.

Tiền chất đốt: Từ 1.000 đ - 2.000đ/ trẻ/ngày, thu đủ bù chi theo thực tế số ga tiêu thụ.

2.2. Phục vụ bán trú cho cá nhân học sinh

- Dự kiến thu: 61.680.000 đồng.

+ Đối với trẻ mới tuyển: 63 trẻ x 360.000 đ = 22.680.000 đ

+ Đối với trẻ các năm tiếp theo: 195 trẻ x 200.000 đ = 39.000.000 đ

- Dự kiến chi: Mua mới và mua bổ sung đồ dùng nuôi dưỡng, đồ dùng vệ sinh hàng tháng phục vụ ăn bán trú cho trẻ (*có kế hoạch chi tiết kèm theo*)

2.3. Hỗ trợ người nấu ăn; phục vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú

* Dự kiến thu: 258 trẻ x 90.000đ/tháng x 9 tháng = 208.980.000 đồng

* Kế hoạch chi:

- Hỗ trợ lương nhân viên nấu ăn đóng bảo hiểm, hưởng mức lương tối thiểu vùng và hỗ trợ tiền làm ngoài giờ (rửa bát và nấu bữa chiều):

Chi trả hỗ trợ đóng bảo hiểm và lương theo mức lương tối thiểu vùng sau khi trừ số tiền ngân sách thành phố hỗ trợ (6 cô x 1.059.828 đ/cô/tháng): 6.358.968 đồng/tháng x 9 tháng = 57.230.712 đ

- 2% nộp thuế: = 4.179.600đ

- 18% Chi công tác quản lý (HT=6%; 2PHT=8%; KT=3%; TQ=1%): 37.616.400 đ

- Số còn lại chi trả tiền ngoài giờ buổi trưa cho cô nuôi (1 ngày 2 cô trực): 109.953.288/9 tháng = 12.217.032/tháng. Mỗi cô nuôi được hưởng: 12.217.032đ/6 cô = 2.036.172đ/tháng.

2.4. Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính (buổi trưa)

- Dự kiến thu: 258 trẻ x 6.000đ/giờ x 2 giờ x 22 ngày x 9 tháng = 613.008.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 80% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 490.406.400 đ

+ 2% Nộp thuế: 12.260.160 đ

+18% Chi công tác quản lý (HT=6%; 2PHT=8%; KT=3%; TQ=1%): 110.341.440 đ

2.5. Dịch vụ chăm sóc trẻ mầm non ngày thứ 7 (*áp dụng đối với trẻ có nhu cầu tự nguyện đăng ký đi học*)

- Dự kiến thu: 100 trẻ x 40.000 đ/ngày x 4 ngày x 9 tháng =144.000.000 đ

- Kế hoạch chi:

+ 80% bồi dưỡng giáo viên trực tiếp quản lý trẻ buổi trưa: 115.200.000 đ

+ 2% Nộp thuế: 2.880.000

+ 18% Chi công tác quản lý (HT=6%; 2PHT=8%; KT=3%; TQ=1%): 25.920.000 đ

2.6. Làm quen tiếng Anh cho trẻ MG 3,4,5 tuổi (*áp dụng đối với trẻ có nhu cầu đăng ký đi học*)

* Dự kiến thu: 60 trẻ x 20.000 đ/tiết x 8 tiết/tháng x 9 tháng =86.400.000 đ

* Kế hoạch chi:

+ 75% chi trả trung tâm tiếng Anh: 64.800.000 đ

+ 25% Kinh phí để lại nhà trường chi: 21.600.000 đ (*Tương ứng doanh thu của nhà trường 100%*). Trong đó chi:

- Chi bồi dưỡng giáo viên hỗ trợ tổ chức dạy học cho trung tâm 50%:
10.800.000đ

- Chi cho công tác quản lý và nộp thuế 50%: 10.800.000đ. Gồm:

\Chi nộp thuế TNDN 2%: 432.000đ

\Chi công tác quản lý 48%: 10.368.000đ (Trong đó chi: HT=15%;
2PHT=22%; KT=8%; TQ=3%)

3. Các khoản thu hộ

3.1 Tiền bảo hiểm thân thể học sinh(Bảo việt):

100% kinh phí phụ huynh đăng ký tham gia được nộp về công ty Bảo việt

3.2 Tiền đồng phục:

100% kinh phí thu được chuyển về nhà cung cấp may đồng phục

3.3 Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em các lớp thống nhất xây dựng kế hoạch chi tiết kinh phí theo đúng Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 dưới sự giám sát của nhà trường như: Chi quà cho trẻ ngày hội, ngày lễ, thăm hỏi trẻ ốm đau, hiếu thảo thân trẻ và cha mẹ trẻ, hỗ trợ các cháu có hoàn cảnh khó khăn...

Trên đây là Kế hoạch thu chi tài chính năm học 2025 - 2026 của Trường mầm non Nam Hưng. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về chế độ, chính sách, định mức thu – chi, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm bổ sung, sửa đổi cho phù hợp và thông qua Hội đồng sư phạm biểu quyết.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Phòng kinh tế
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phấn